

## Văn hóa Nhật Bản trong thơ haiku của Matsuo Basho, Yosa Buson và Kobayashi Issa

Japanese culture in the haiku poems of Matsuo Basho, Yosa Buson, Kobayashi Issa

Lê Thị Hải<sup>a,b\*</sup>

Le Thi Hai<sup>a,b\*</sup>

<sup>a</sup>Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Ngôn ngữ - Xã hội Nhân văn, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam

<sup>a</sup>Faculty of Social Sciences and Humanities, School of Languages, Humanities and Social Sciences, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Vietnam

<sup>b</sup>Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ cao, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam

<sup>b</sup>Institute of Research and Development, Duy Tan University, Da Nang, 550000, Vietnam

(Ngày nhận bài: 06/06/2024, ngày phản biện xong: 04/07/2024, ngày chấp nhận đăng: 28/08/2024)

### Tóm tắt

Thơ ca là sản phẩm tinh thần cao quý của loài người, là bản sắc văn hóa và tâm hồn của mỗi dân tộc. Khi lật giở từng trang thơ haiku của Matsuo Basho, Yosa Buson và Kobayashi Issa, chúng ta không chỉ thấy cái hay, cái đẹp, cái độc đáo về mặt nghệ thuật của thơ haiku, mà hơn hết chúng ta có thể cảm nghiệm được văn hóa truyền thống của Nhật Bản. Từ đó, nó thức động tâm trí ta để ta biết yêu, biết sống và biết trân quý mọi khoảnh khắc trên cõi đời. Dựa trên kết quả khảo sát các bài thơ haiku của ba nhà thơ lớn thời Edo của Nhật Bản, bài viết này tập trung nêu ra và làm rõ văn hóa truyền thống Nhật Bản qua lối sống giao hòa với thiên nhiên, sống trọn mọi khoảnh khắc hiện tại, đề cao tinh thần tự cường và nhân tâm hòa.

**Từ khóa:** Văn hóa Nhật Bản; haiku; Matsuo Basho; Yosa Buson; Kobayashi Issa.

### Abstract

Poems stand as the noble spiritual product of mankind, encapsulating the cultural identity and representing the soul of every nation. Each page of the haiku by Matsuo Basho, Yosa Buson, and Kobayashi Issa not only showcases the artistic uniqueness of haiku but also provides a profound experience of Japanese traditional culture. This awakening prompts us to love, live, and appreciate every moment in this world. Through a deep dive into the haiku poems of these great Japanese poets in the Edo period, this paper boldly elucidates the Japanese traditional culture, emphasizing the importance of living in harmony with nature, embracing the present moment, and fostering the values of self-reliance and humanity.

**Keywords:** Japanese culture; haiku; Matsuo Basho; Yosa Buson; Kobayashi Issa.

\*Tác giả liên hệ: Lê Thị Hải

Email: lethihaituan@gmail.com

## 1. Mở đầu

Trải qua hơn bốn trăm năm phát triển, thơ haiku đã chứng minh sức sống trường tồn của mình trên khắp nhân gian. Nó không chỉ là tinh hoa của nền văn học Nhật Bản mà còn là tinh hoa của nhân loại. Tuy thơ haiku Nhật Bản là thơ ngắn nhất thế giới (17 âm tiết) nhưng sức lan tỏa của nó thì thật kì vĩ. Không chỉ người Nhật thưởng ngoạn và làm thơ haiku mà người Trung Hoa, người Ấn Độ, người Mỹ, Người Pháp và cả người Việt Nam, v.v... cũng thưởng thức và thể nghiệm thể thơ này bằng tiếng nước mình. Chính vì lẽ đó mà đến nay, thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu thơ haiku với các khía cạnh khác nhau.

Ở phương Tây, chúng ta có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như: *Haiku Volume 1~4 - Eastern Culture, Spring, Summer-Autumn, Autumn-Winter* (Thơ haiku 4 tập “Xuân, Hạ, Thu, Đông) của R.H.Blyth; *Japanese Haiku: Its Essential Nature, History, and Possibilities in English, With Selected Examples* của Kenneth Yasuda - học giả người Mỹ gốc Nhật; *Matsuo Bashō: The Master haiku Poet* (Matsuo Bashō: Bậc đại sư thơ haiku); *Văn học Nhật Bản từ cổ điển đến hiện đại* của học giả người Nga N.I.Konrat, v.v... Tại Việt Nam, nghiên cứu về thơ haiku có thể nhắc đến các nhà nghiên cứu và dịch giả tiêu biểu như: Nhật Chiêu (*Ba nghìn thế giới thom; Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến năm 1868; Nhật Bản trong chiếc gương soi*), Vĩnh Sinh (*Matsuo Bashō: Lối lên miền Oku; Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hóa*), Nguyễn Nam Trân (*Tổng quan lịch sử văn học Nhật Bản; Matsuo Bashō: Bậc đại sư thơ haiku*), Nguyễn Thị Mai Liên (*Hợp tuyển văn học Nhật Bản*), v.v... Các công trình nghiên cứu kể trên đã giới thiệu khái quát quá trình phát triển thơ haiku, đặc điểm nội dung và phong cách nghệ thuật thơ haiku.

Tiếp nối những thành tựu của các nhà nghiên cứu đi trước, chúng tôi mạnh dạn nghiên cứu thơ haiku của ba trong số tứ trụ thơ haiku Nhật là

Matsuo Basho (1644 - 1694), Yosa Buson (1716 - 1783), Kobayashi Issa (1763 - 1827) từ góc nhìn văn hóa.

## 2. Sống giao hòa với thiên nhiên

Đất nước Nhật Bản được mệnh danh là “xứ sở hoa anh đào”, “xứ sở hoa cúc”, “xứ Phù Tang”, “đất nước Mặt Trời mọc”, v.v... Những mỹ danh này đều khởi nguồn từ thiên nhiên. Từ xa xưa, người Nhật đã rất coi trọng thiên nhiên, coi thiên nhiên như cái nôi sản sinh ra sự sống, cũng là nơi kết thúc của sự sống. Người Nhật luôn tự hào về nguồn gốc giống nòi của mình là con cháu của nữ thần mặt trời Amaterasu - vị thần quan trọng trong Thần đạo. Các Thiên hoàng Nhật Bản được coi là hậu duệ trực tiếp của thần Amaterasu. Nữ thần Amaterasu được sinh ra từ mắt trái của thần Izanagi. Izanagi và Izanami - hai vị thần đầu tiên tạo lập thiên địa, thành lập một đất nước lí tưởng “Izanagi và Izanami là cặp thần đầu tiên đã sáng tạo nên quần đảo Nhật Bản cùng với gió, nước, cây, núi, đất, sương mù, thung lũng, khoáng sản, lương thực, lửa...” [2, Tr.51]. Hai vị thần dùng cây mâu thần để tạo đảo “Hai vị thần đứng trên phù kiều giữa trời nước và chọc cây mâu thần đó xuống ngoáy thì từ mặt biển phát ra tiếng kêu lóng bồng. Khi họ rút thanh mâu đó lên, những giọt nước triều ở đầu mũi mâu đông cứng lại và tạo thành ra hòn đảo muối Onogoro” [6, Tr.36]. Cũng chính trên hòn đảo của mình, họ bắt tay xây dựng trụ trời và tạo ra những đứa con bằng tình yêu trần thế, khởi sinh nên tổ tiên nơi xứ sở Mặt Trời mọc. Có thể thấy rõ ràng, tình yêu chính là cội nguồn cho sự hình thành nòi giống dân tộc Nhật Bản. Điều này cũng lí giải cho việc vì sao người Nhật lại có một tình yêu thiên nhiên, yêu con người cùng giống nòi mãnh liệt như thế. Quan niệm sống giao hòa với thiên nhiên luôn thấm thấu trong tâm thức của mỗi người con Nhật Bản. Nó trở thành một nét đẹp văn hóa của người Nhật ở mọi thời đại, đặc biệt là ở trong thơ haiku thời Edo.

Thiên nhiên ướp hương đời và gieo nhụy sự sống. Phải chăng đây chính là căn tính của thiên nhiên, của sự giao tình giữa thiên - nhân? Nếu không phải vậy làm sao thi nhân lại có thể hát lên khúc tự tình làm đốn ngộ tâm trí ta đến vậy:

Muda gusa ya  
Nanji mo nobiru  
Hi mo nobiru  
(Kobayashi Issa)

Cỏ vô dụng  
Vẫn mê mãi lan tràn  
Và mặt trời cũng tràn lan.  
(Nhật Chiêu dịch)

Thiên nhiên với bạn là gì? Bạn xem thiên nhiên là môi trường phong nhiêu để tận diệt khai thác và đem lại nguồn thu khổng lồ hay là đối tượng để bạn chinh phục, thị uy sức mạnh của con người? Hay bạn nghĩ thiên nhiên là “tạo vật của thượng đế”? Từ xa xưa, người Nhật đã không coi thiên nhiên như những điều dẫn trên. Họ “xem thiên nhiên như một năng lực sáng tạo” [4, Tr.435]. Như vậy, nếu ta lật giở những tầng lá thiên nhiên sẽ hiển lộ tầng văn hóa Nhật. Khi thi nhân Nhật viết về thiên nhiên thì cũng chính là lúc họ đang giao cảm với đời, với chính thiên nhiên. Hiểu được điều này thì ta không thể nói: cỏ là một thứ vô dụng, làm vương chân ta và ăn hại mùa màng nên cần phải tiêu diệt, hay có gì đâu mà kể. Bởi trong tình yêu của Quan Âm, của thiên nhiên thì chính bản chất “vô dụng” - phi lợi nhuận ấy dẫn và đưa ta đi lên. Nó cho ta thấy sự cựa quậy của mầm sống trên mảnh đất không chứa mầm chết chóc, biệt li. Ta như lạc lối giữa câu hỏi: không biết thi nhân vẽ đồng cỏ hay đồng cỏ nổi hứng vẽ tranh? Trên đám cỏ mềm mại như nhung có những mê cung được tạo nên bởi kiến trúc sư chuột đồng, chuột chũi; bày hươu thì nhớn nhợ tận hưởng cảm giác êm dịu dưới gót chân; đàn thỏ thỏa thích đùa vui trong ánh nắng

chan hòa; v.v... Đêm tối, cỏ tiếp tục được điểm tô bởi những giọt sương long lanh để khi mặt trời thức giấc, ta lại được chiêm ngưỡng vẻ đẹp bất tận của thiên nhiên. Con người cũng nên nhìn thiên nhiên để thích ứng với môi trường sống và tô điểm cuộc sống thêm xanh.

Người Nhật nói chung, thi nhân haiku nói riêng không chỉ ngắm nhìn thiên nhiên, mà họ còn thưởng ngoạn nó:

Asacha nomu  
Sō shizukanari  
Kiku no hana  
(Matsuo Basho)

Nhà sư nhấp tách trà,  
Buổi sáng, trong tĩnh lặng,  
Hương cúc đến kề bên.  
(Nguyễn Nam Trân dịch)

Bài thơ không cho người đọc thấy rõ thi nhân đang thưởng trà ở không gian nào, trong thiền phòng hay ở ngoài khuôn viên, cũng không một từ miêu tả trạng thái của cây hoa cúc. Nhưng có một điều mà ai cũng cảm được, đó là sự hiện diện của hương cúc, thấy rõ những đóa hoa cúc đang nở rộ gọi thu về và giao cảm với đời, với thiền sư. Phải là người tinh tế và mẫn cảm với thiên nhiên mới có thể ngênh tiếp thiên nhiên - hoa cúc nồng hậu đến mức hoa cúc tìm đến thiền sư trò chuyện “Hoa cúc đến kề bên”. Thiền sư - hoa cúc tuy hai mà là một. Cả hai lặng lẽ thiền định bên chén trà sáng. Tất cả vẽ lên một bức tranh phong cảnh đậm ý tình! Thi nhân thư thái nâng chén trà cùng tâm hồn hòa quyện vào thiên nhiên đất trời. Hương cúc xuất hiện gợi ra một không gian tĩnh lặng, một chiều sâu tâm tưởng. Bài thơ gợi cho tôi nhớ tới câu chuyện *Một chén trà*: có một giáo sư tìm đến thiền sư Nan-in - thiền sư người Nhật sống ở thời Thiên hoàng Minh Trị (1868 - 1912) để được thỉnh giáo về Thiền. Thiền sư Nan-in rót trà mời vị giáo sư. Dù cho

chén trà đã đầy và tràn ra ngoài thì ngài vẫn tiếp tục rót. Vị giáo sư vội vàng thốt lên: “Nó đầy quá rồi, Ngài đừng rót nữa”. Khi này, thiền sư mới thùng thảng nói: “Cũng giống như chén trà này, tâm trí của ông chứa đầy những quan điểm và suy đoán cá nhân. Làm sao tôi có thể nói cho ông nghe về Thiền khi ông còn chưa dốc cạn chén trà của mình đây?” [5, Tr.12]. Ngày ngày tu tập và hành Thiền, cứ thế dần dần rồi ta cũng nghiệm ra chân lí: trà ngon, người tu Thiền chân chính không phải cất chứa ở trong nhà chúng ta hay trong những trang sách kinh kia mà là ở trong chính tâm của chúng ta, ở trong tri nhận của chúng ta:

Tsurigane ni  
Tomarite nemuru  
Kocho kana.  
(Yosa Buson)

Trên chuông chùa  
Một con bướm đậu  
Nghiêng mình ngủ mơ  
(Nhật Chiêu dịch)

Tưởng như thời gian ngưng đọng, hai sự vật chẳng mấy liên quan sẽ chẳng đoái hoài tới nhau. Nhưng không, ta vẫn cảm nhận được sự tương thông của hai sự vật đó - chuông và bướm. Chuông như thấu hiểu nỗi nhọc nhằn của bướm nên không dám ngân, sợ làm phiền giấc mơ của bạn. Còn bướm không bay và đậu trên chuông để cảm ngộ tiếng ngân của chuông, của đời vọng về và mơ giấc mơ của Trang Chu sao? Có lẽ cả chuông và bướm đang nương tựa vào nhau mà nghỉ ngơi. Cả hai đang duy trì trạng thái tâm yên bình, giữ tâm tĩnh lặng và trong sáng để được tự do tự tại. Quả thật Buson đã vẽ lên một thế giới vô thanh và một thế giới vô niệm.

Người Nhật giao hòa với thiên nhiên không chỉ bằng việc ngắm nhìn và thưởng ngoạn chúng mà còn bằng cách sống trọn vẹn trong từng đường gân thớ thịt của nó. Tên địa danh và tên

người được người Nhật sử dụng khá nhiều từ thiên nhiên. Ví như Chiba (Một ngàn chiếc lá), Kagawa (Sông hương), Akia (Đòng lúa mùa thu); Basho (Cây chuối), Asahi (Mặt trời buổi sớm), Aoi (Hoa thực quỳ), Mio (Bông anh đào xinh đẹp), v.v... Họ phổ biến nhất của người Nhật gồm Kobayashi (Khu rừng nhỏ) và Yamamoto (Chân núi), v.v... Đó chính là sự tương giao giữa con người và thiên nhiên:

Hitotsuya ni  
Yuujo mo netari  
Hagi to tsuki  
(Matsuo Basho)

Qua đêm mình chung nhà  
Cùng hai cô hát rong  
Như trăng, hoa hagi.  
(Nguyễn Nam Trân dịch)

Nhật Bản quan niệm về giao hòa giữa con người và thiên nhiên khác với phương Tây. Đối với phương Tây, thiên nhiên là đối tượng để chinh phục, còn với Nhật Bản thì là sự biến chuyển của thiên nhiên nằm trong sự vận động của con người. Thiên nhiên luôn dịu dàng, bao dung và ôm ấp mọi vật trong lòng nó.

### 3. Sống trọn mọi khoảnh khắc hiện tại

Nhật Bản là một dân tộc giàu lòng tin ngưỡng, hướng theo đạo Phật. Nhưng không phải vì thế mà tư tưởng của họ thiên về hình nhi thượng học, nhân quả báo ứng. Thực tế các thần thoại cổ đại của Nhật Bản rất ít khi đề cập về vấn đề này, mà chủ yếu chú trọng đến hiện thực. Người Nhật cũng như người Việt Nam và các nước châu Á khác đều quan niệm: chết không phải là hết, chết đi nhưng linh hồn vẫn còn sống nên có tục cúng kị cho linh hồn. Tuy nhiên, người Nhật ít đặt ra vấn đề sau khi chết sẽ đi về đâu và vấn đề giải thoát đời sau, mà họ thiên trọng đến vấn đề “hiện thế lợi ích”, “tức thân thành Phật”, “hiện thân thành Phật”. Điều này có nghĩa là: ta không cần đợi đến kiếp sau và nhiều kiếp sau nữa mới tu tập thành Phật được, mà ngay

trong kiếp này, ta có thể tích tập đạt giác ngộ như Phật. Đọc thơ của *Otomo No Tabito* (664 - 731) ta sẽ phần nào thấu rõ:

Vạn vật có rồi không,  
Sinh tồn rồi hoại diệt,  
Cho tôi an hưởng hết,  
Hạnh phúc khi sinh tồn.  
(Thích Thiên Ân dịch)

Nhìn sự chảy trôi của thời gian, sự hóa sinh của vạn vật, người Nhật cảm ngộ ra sự vô thường của cuộc sống. Do đó, người Nhật Bản luôn đề tâm tới hiện thế, khuyên răn bản thân và con cháu sống trọn mọi khoảnh khắc hiện tại. Trong cuốn *Vạn diệp tập* có đoạn thơ như sau: “Cuộc đời thay đổi/ Thế sự vô thường/ Anh đào nở sớm/ Rụng khắp vườn tôi/ Ngấn ngủ thay/ Đời già tạm/ Để tôi đi tìm một con đường sáng/ Rừng cây nước chảy chôn cô liêu” [1, Tr.198]. Thi nhân haiku thể nghiệm sự vô thường ấy qua sự thiếu vắng của cái gì đó đã từng tồn tại nhưng nay còn đâu:

Kinô ini  
Kyô ini kari no  
Naki yo kana  
(Yosa Buson)

Đêm qua nhận bay đi  
Hôm qua bay đi, bay đi  
Đêm nay không còn chi  
(Nhật Chiêu dịch)

Một sự mất mát ủa tới xâm chiếm cõi lòng thi nhân. Mùa đông thời tiết lạnh giá, chim nhận bắt đấng dĩ phải thiên di. Mới qua một đêm mà nay chẳng còn dấu vết của từng cặp uyên ương, từng cánh chim trời. Xuân đến rồi đi, hoa nở rồi tàn, v.v... Chim bay đi để lại nỗi cô đơn trong ta. Nhưng chính khoảnh khắc này khiến ta có cảm giác vị thần thời gian đang nháy mắt báo hiệu cho chúng ta về sự chảy trôi của thời gian, về

một thế giới không ngừng biến động. Cho nên ta cần trân quý mọi khoảnh khắc, bởi chắc gì vũ trụ đã ưu ái ta lần nữa. Trong vũ trụ bao la có biết bao loài chim, sao tác giả lại vẽ lên cánh chim nhận chứ không phải là loài chim nào khác? Không phải ngẫu nhiên thi nhân dùng chim nhận để biểu đạt tâm ý của mình. Nếu chim cất biểu trưng cho tính tham tàn, quá quắt thì chim nhận lại biểu trưng cho sự chung thủy, sắt son. Người xưa cho rằng, chim nhận bản tính trung trinh, một khi đã kết đôi thì chúng sẽ bên nhau trọn đời, quyết không đổi thay. Nếu như một trong hai con bất hạnh mà chết, thì con còn lại sẽ sống đơn độc một mình như thế cho đến hết phần đời của mình. Nó sẽ không chọn thêm bất kì một con chim nhận nào khác làm bầu bạn sớm hôm nữa. Có giai thoại kể rằng: Một viên thư sinh nọ lên kinh kì ứng thí. Lúc đi qua sông, thư sinh bắt gặp một thợ săn trên tay cầm hai con chim nhận đã chết. Chàng liền hỏi nguyên cớ, người thợ săn đó trả lời: Buổi sáng, tôi dùng lưới bắt được một con chim nhận rồi giết chết nó. Đột nhiên có một con chim nhận khác từ trong lưới bay ra, nó cứ bay vòng vòng mãi mà không chịu rời đi. Cuối cùng, nó ré lên tiếng khóc bi thương, rồi cũng lao xuống đất chết cùng. Chàng thư sinh nghe xong vô cùng xúc động, bèn mua lại xác hai con chim và chôn cất bên bờ sông. Cảm thán trước sự đổi thay của tạo hóa, thi nhân như nhấn nhủ chúng sinh phải biết trân trọng và sống hết mình cho thế gian. Ở đây có sự đồng điệu với thơ của Thôi Hiệu sống ở đời Đường (618 - 907):

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ,  
Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu.  
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,  
Bạch vân thiên tải không du du  
Tĩnh xuyên lịch lịch Hán Dương thụ,  
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu.  
Nhật mộ hương quan hà xứ thị?  
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.  
(Thôi Hiệu)

Hạc vàng ai cười đi đâu?  
 Mà nay Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ.  
 Hạc vàng đi mất từ xưa,  
 Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.  
 Hán Dương sông tạnh cây bầy,  
 Bãi xưa Anh Vũ xanh dầy cỏ non.  
 Quê hương khuất bóng hoàng hôn.  
 Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?  
 (Tản Đà dịch)

Hạc vàng bay đi, chim nhạn cũng bay đi, v.v... để lại mình ta với nỗi buồn gặm nhấm tâm can. Đây quả thật là trò chơi của sinh tử, của hư không và của tâm tưởng.

Sự vô thường còn được thi nhân haiku biểu hiện ở một cái gì đó đang hiện hữu nhưng lại sớm lụi tàn. Để truyền tải thông điệp này thì không gì bằng hoa, Buson và Basho mượn hoa phù dung và hoa thủy tiên để thể hiện sự dâu bể của cuộc đời:

Suisen ya  
 Bijin kobe wo  
 Itamuraishi.  
 (Yosa Buson)

Hoa thủy tiên  
 Mái đầu người đẹp  
 Nặng trĩu ưu phiền.  
 (Nhật Chiêu dịch)

Kirisame no  
 Sora wo fuyo no  
 Tenki kana.  
 (Matsuo Basho)

Mưa mù sương  
 Phù dung đóa đóa  
 Làm mùa lên hương  
 (Nhật Chiêu dịch)

Thủy tiên là loại cây có thân hành, những chiếc lá của thủy tiên mịn màng và mọc thẳng. Hoa không rực rỡ như những loài hoa khác nhưng mang vẻ đẹp mảnh mai, thùy mị và thanh lịch. Còn hoa phù dung được xếp vào hàng ngũ những loài sinh vật kì diệu nhất thế giới. Nó có thể thay đổi màu sắc ba lần trong một ngày, sớm nở tối tàn. Ta có thể nhận ra sự thay sắc này tương ứng với ba thời điểm: sáng - chiều - tối. Ban sáng, hoa phù dung có màu trắng ngần; đến đầu giờ chiều, bông hoa đã chuyển sang màu hồng phấn điểm lệt; tối về, hoa phù dung có màu hồng tím hoặc đỏ thẫm. Hình dáng ấy của hoa thủy tiên và hoa phù dung cho ta thấy vẻ đẹp yêu kiều. Do đó dù trong tàn úa, hoa gợi đến nỗi sầu đong và cái chết song sắc trắng của hoa vẫn đủ sức thanh tẩy cái chết. Nó vẫn không ngừng xông hương vào cuộc sống. Dầu biết rằng chiều tối nay mình sẽ chết nhưng nó vẫn ngạo nghễ cười mưa, ngạo nghễ lan tỏa cái đẹp và để lại cho đời thần khí ấy.

Đốn ngộ ra sự vô thường trong vũ trụ, thi nhân haiku đạt đến cảnh giới tự chứng ngộ: Không có gì tồn tại mãi mãi, bản thân ta hay những người mà ta yêu thương cũng như vạn vật trên thế gian này chẳng thể sống mãi với thời gian. Nhưng thực tế cuộc đời vẫn luôn đẹp đẽ chỉ thoáng qua trong chốc lát. Ví như giây phút ta trao đổi trong im lặng với chú chim sâu hay khi chú chim sẽ ngắm nhìn tôi làm việc qua ô cửa sổ; hoặc khi biển vỗ về tôi khi ý tưởng chưa khai thông; hay khoảnh khắc ta ôm ấp đưa con thơ vào lòng; v.v... Trong chớp mắt, thi nhân hoàn toàn đắm mình trong trải nghiệm:

Sashi yanagi  
 Hotaru tobu yo to  
 Nari ni keru.  
 (Kobayashi Issa)

Đom đóm đây cảnh  
 Liều xanh vừa cảm  
 Đã thành đêm xanh.  
 (Nhật Chiêu dịch)

Đom đóm gọi cả bầu trời tuổi thơ, của miền quê thăm thẳm và của hư không: “Đom đóm bay qua/ Chỉ còn lại gió/ Trong bàn tay ta” - Kobayashi Issa. Nhà thơ Issa đã bắt được hư không. Như những con đom đóm kia, vừa rong chơi lại vừa để những bàn tay đuổi bắt, trên tất cả là đom đóm vẫn sáng trong hiểm nguy - có thể soi đường cho kẻ đuổi bắt mình, rồi tắt cả lại cùng vui đùa hát ca mặc cho đêm tàn, gió thổi, mây bay, v.v... Đom đóm thân nhiên đón nhận mọi thứ trong tâm thế tự do tự tại:

Moeyasuku  
Mata kieyasuki  
Hotaru kana  
(Chine-Jo)

Thân nhiên sáng ngời  
Thân nhiên tắt lửa  
Ôi đom đóm chơi!  
(Nhật Chiêu dịch)

Nữ sĩ Chine-Jo cũng như Basho, Buson và Issa đều thấu triệt ánh sáng của Thiên tông: con người sống hay chết, hạnh phúc hay đau khổ, sang hay hèn, đẹp hay xấu đều được soi bằng ánh sáng của chính mình chứ không phải và không nên bằng ánh đèn hay ánh nến của người khác đưa cho. Đừng bao giờ quên vẻ đẹp tuyệt mỹ luôn tiềm ẩn trong mọi cung bậc cảm xúc của chính ta! Hãy để cho con tim của ta rung động nhiều hơn để cảm nhận cái đẹp dấu cho muôn trùng khó khăn ở quanh ta. Chính vì lẽ đó, ta hãy thân nhiên, tự tại uống khí trời và gieo mầm cái đẹp trên mảnh đất hiện thế.

#### 4. Đề cao tinh thần tự cường

Vì được sinh trưởng trong một tình thế và địa lí đặc biệt, người dân Nhật Bản thường có một tinh thần tự cường và tự tôn rất cao. Nó trở thành một nét đẹp trong văn hóa Nhật Bản. Theo sách *Nhật Bản - đất nước và con người* của Eiichi Aoki, Nhật Bản nằm ở phía Đông của Hàn Quốc, Nga, Trung Quốc và trải từ biển Okhotsk ở phía

Bắc đến Hoa Đông ở phía Nam. “Xứ sở hoa cúc” được xem là một quốc đảo với hơn 7000 hòn đảo lớn nhỏ, bao quanh bởi biển và nằm trong vành đai núi lửa Thái Bình Dương. Đặc điểm chính của quần đảo Nhật Bản là sự bất ổn địa chất - phần lớn đảo ở Nhật có rất nhiều núi dốc cao và núi lửa, có đến 188 núi lửa đang hoạt động, tiêu biểu là núi Phú Sĩ - ngọn núi cao, nổi tiếng nhất ở xứ Phù Tang này. Gần ba phần tư diện tích đất đai của Nhật Bản là rừng hoặc núi. Khí hậu Nhật Bản có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông được phân chia rõ ràng. Về điều này, thời gian diễn ra các mùa ở nước Nhật có phần chênh lệch và thường bắt đầu sau một tháng so với các mùa ở Việt Nam. Với đặc điểm địa hình và khí hậu mưa nhiều, đột ngột thay đổi khí hậu dẫn đến hiện tượng tuyết tan gây lũ lụt, cuồng phong, sóng thần, động đất, hỏa hoạn. Tuy nhiên, Nhật Bản lại sở hữu môi trường thiên nhiên tuyệt đẹp. Với mỗi mùa, du khách có thể thưởng ngoạn thiên nhiên tươi đẹp và những sự kiện văn hóa đặc trưng rất riêng chỉ có ở xứ Phù Tang. Có được điều này, không thể không nhắc tới sự chủ động đến với cuộc đời của người Nhật.

Tự cường nghĩa là tự làm cho mình ngày một lớn mạnh lên, không chịu thua kém người khác để không cho phép ai coi thường, khinh khi mình. Mà muốn đạt được tâm thức này thì cần lắm sự can đảm theo đuổi ước mơ, vượt khó. Hãy cùng tấm mình vào sự can trường của thi nhân nói riêng, người Nhật nói chung qua thơ haiku của Basho, Buson và Issa:

Araumi ya  
Sado ni yokotau  
Amanogawa  
(Matsuo Basho)

Trên biển gằm sóng dữ,  
Giải Ngân hà bắc ngang,  
Tận phía đảo Sado.  
(Nguyễn Nam Trân dịch)

Samidare wo  
Atsumete hayashi  
Mogami-gawa  
(Matsuo Basho)

Tụ hết mưa mùa hạ,  
Dòng nước xiết làm sao,  
Con sông Mogami.  
(Nguyễn Nam Trân dịch)

Kogarashi ni  
Iwa fukitogaru  
Sugima kana  
(Matsuo Basho)

Trụ được con bão lốc,  
Thổi mạnh, là ghềnh đá  
Len giữa đám tuyết tùng.  
(Nguyễn Nam Trân dịch)

Korega ma - a  
Tsui no sumika ka  
Yuki goshaku  
(Kobayashi Issa)

Tuyết mười bộ cao  
Nơi cuối cùng tôi sống  
Trong cuộc đời hay sao?  
(Nhật Chiêu dịch)

Ibara oi  
Susuki yase hagi  
Obotsukana  
(Yosa Buson)

Cỏ bạc yếu gầy  
Tường vi héo hắt  
Đinh hương mờ phai.  
(Nhật Chiêu dịch)

Trên khắp thế gian này có vô vàn ước mơ đã bị bóp nghẹt từ trong thai nghén. Nguyên do có khi chỉ là ta tự so sánh mình với người khác và nghĩ rằng: ta không đủ tốt, đủ giỏi để biến ước mơ đó thành sự thật; có khi là ai đó lại dành thời gian quá nhiều để suy ngẫm về cuộc sống của người khác hơn là đầu tư vào cuộc sống của chính bản thân mình; có lúc ai kia lại tự coi mình là cái rốn của vũ trụ, “ta là một, là riêng, là tất cả”, thêm vào đó vài kẻ bợ đỡ tung hô nên dễ rơi vào ngộ nhận, tự huyễn rồi hồng hách, xem thường người khác dần đánh mất đi giá trị của mình; v.v... Đọc thơ haiku, chúng ta thấy người Nhật không vậy. Họ tìm cách sống chậm lại, soi thấu bản thân và dừng cảm tiến về phía mặt trời để cuộc đời không trôi đi trong vội vã, để tâm trí thức mở khiến nó không lạc trôi tới nơi mà cơ thể không theo kịp. Ở những bài thơ kể trên, thi nhân cho chúng ta thấy hiện tượng thiên nhiên rất là khác nghiệt: sóng biển thì gầm gào chực nuốt trôi mọi thứ xung quanh nó; đảo Sado xa xôi nổi tiếng với những bi thương - nơi đây xưa kia là nơi dành cho những người bị đi đày, lao động khổ sai; Samidare (ngũ nguyệt vũ) - mưa dầm mùa hạ, cộng với đặc tính của sông Mogami - một trong ba con sông có dòng nước chảy xiết của Nhật thì thành một dòng nước dữ, sẵn sàng cuốn phăng mọi thứ trên đường nó đi; những trận cuồng phong, lốc xoáy, tuyết rơi chực đón gục những gì cản bước di chuyển của nó. Đối đầu với thiên nhiên hung bạo đó, liệu rằng sự vật và con người nơi đây có đầu hàng số phận? Hãy lắng nghe những dòng thơ sau, ta sẽ có câu trả lời:

Okiagaru  
Kiku honoka nari  
Mizu no ato  
(Matsuo Basho)

Vừa mới nhô đầu lên  
Sau khi làn nước ngập  
Cúc đã nhẹ đưa hương.  
(Nguyễn Nam Trân dịch)



Arigata ya  
Fusuma - no yuki mo  
Jòro kara  
(Kobayashi Issa)

Muôn phần tri ân  
Chăn tôi đầy tuyết trắng  
Từ Tịnh Độ rơi sang.  
(Nhật Chiêu dịch)

Cách mà con người Nhật Bản vượt qua thiên tai, vượt qua khó khăn chính là tương thông với nhau, biết cúi xuống nhìn nhau, thông cảm cho nhau, nâng đỡ nhau, động viên nhau kiên trì vượt qua khổ ải. Do đó, họ xứng đáng nhận được những tia nắng ban mai, những chùm quả dịu ngọt và nhân gian ngưỡng vọng. Cúc kia tưởng như mong manh dễ vỡ, dễ bị bắt nạt nhưng không phải vậy! Mặc mưa tuôn, nước ngập, nó vẫn mạnh mẽ tự bảo vệ mình mà không chút oán than, lặng lẽ hoàn thành sứ mệnh của mình: khai hoa và tỏa hương thơm ngát cho đời, sống trọn vẹn cuộc đời thảo mộc của mình. Người là hoa và hoa cũng chính là người “Người là hoa của đất”. Nhà thơ Issa nhìn tuyết rơi trên chiếc chăn mà mình đang đắp như một món quà của Tịnh Độ Niết Bàn ban tặng cho mình. Ấy là tâm thế, là văn hóa Nhật Bản.

Thi nhân haiku đã phần nào khai sáng cho độc giả về tinh thần tự lập, tự cường của dân tộc Nhật Bản. Ở đó ta bắt gặp những suy nghĩ tích cực, độ chín chắn, ưa khám phá, sáng tạo, yêu cái đẹp, luôn cố gắng tìm cách giải quyết vấn đề và lưu giữ cái đẹp, tự tìm ra hướng đi riêng cho bản thân để tạo ra giá trị tinh thần và vật chất chứ không than vãn, trông chờ, ỉ lại sự cứu giúp từ bên ngoài:

Furu ie no  
Yugami wo naosu  
Koharu kana  
(Yosa Buson)

Ngôi nhà xưa  
Xiêu vẹo  
Tháng mười âm lịch.  
(Nguyễn Vũ Quỳnh Như dịch)

Nomi shirami  
Uma no shito suru  
Makura moto  
(Matsuo Basho)

Nào cháy, rận, ngựa đái,  
Bên gối,  
Chỗ ta nằm.  
(Nguyễn Nam Trân dịch)

Bài thơ khắc họa hình ảnh con người trong sự khốn khó. Nhưng con người ấy toát lên tinh thần yêu đời Ta Bà này. Người đọc không hề bắt gặp từ ngữ châm biếm hay bất mãn nào, có chăng chỉ là những ẩn ý rất ý nhị về niềm khát khao, nguyện vọng. Nhà thơ haiku viết về hiện thực cuộc sống với tâm thái phản ánh bản chất của tự nhiên nên đã khơi dậy cảm hứng chiêm nghiệm sâu sắc trong lòng độc giả. Từ đây, chúng ta có thể hiểu và trân trọng lối sống của người Nhật: luôn đón nhận những cơ hội để thưởng thức cái đẹp trong một cuộc sống vốn có thể kết thúc bất cứ lúc nào:

Yoi yo to ya  
Mushi ga suzu furi  
Tobi ga mau  
(Kobayashi Issa)

Cuộc đời đẹp quá  
Con dế rung chuông  
Cánh điều bay là.  
(Nhật Chiêu dịch)

Yuzen to shite  
Yama wo miru  
Kawazu kana.  
(Kobayashi Issa)

Tự tại an nhiên  
Con ếch ngồi nhìn  
Núi đồi thanh vắng.  
(Nhật Chiêu dịch)

Khi những niềm đau, nỗi khổ được khép lại bằng “ánh sáng của đom đóm”; của trái tim giải thoát; lấy niềm vui của cỏ cây hoa lá, của chúng sinh làm hạnh phúc của mình; trân trọng những gì mình có và biến khó khăn thành một thứ của cải, thành cơ hội thì đường đi luôn luôn sáng và ánh sáng sẽ lan tỏa khắp nhân gian. Đó chính là triết lí tự cường của văn hóa Nhật Bản được soi chiếu trong thơ haiku của ba thi nhân lừng danh Matsuo Basho, Yosa Buson, Kobayashi Issa.

## 5. Đề cao nhân tâm hòa

Quan niệm nhân sinh của người Nhật Bản từ xưa cho đến nay vẫn luôn đề cao chữ “hòa” (wa 和). Nó là kim chỉ nam trong văn hóa Nhật Bản. Ngay trong bản *Thập thất điều hiến pháp* (Hiến pháp 17 điều) ban bố năm 604 của Nhật Bản, điều 1 đã nêu rõ: “Lấy hòa làm quý, lấy thuận làm tôn. Mọi người đều có bề cánh đảng phái, nhưng mọi người đều phải tùy thuận theo đạo “Quân thần”. Nếu thượng hòa hạ mục thì tất cả các sự tranh chấp đều được giải quyết ổn thỏa, tất cả sự lí đều dung thông và mọi việc đều thành tựu” [1, Tr.43]. Điều thứ 13 trong hiến pháp này lại một lần nữa nhắc tới chữ “hòa”: “Tất cả quan quân đều là những người chức chương, phải dùng người phái việc đúng thời hợp chỗ. Từ trên xuống dưới đều phải giữ hòa khí để việc công được chóng thành” [1, Tr.46]. Nhật Bản cũng từng đặt tên nước là “Hòa” (wa 和) với ý nghĩa là “hòa hợp, hòa bình, cân bằng”. Như vậy, ta có

thể hiểu “hòa” nghĩa là điều hòa, hòa hợp, hòa nhã, hòa điệu, hòa nhịp, hòa bình. Nó lấy trí tuệ, bình đẳng, tình thương làm nòng cốt.

Muốn có “hòa” thì trước tiên phải có một trí tuệ sáng suốt. trong Kinh Di Giáo, Phật dạy: “Người có trí tuệ không tham trước, tự tại sáng suốt, tránh khỏi hàm hồ tội lỗi; trí tuệ chân thật là chiếc thuyền kiên cố, đưa chúng sinh khỏi biển khổ sông mê, là ngọn đèn sáng soi miền hắc ám, là liều thuốc chữa được muôn ngàn bệnh tật, là chiếc búa sắt đập tan rừng phiền não, là lưỡi dao bén cắt đứt lưới vô minh”. Có lẽ người Nhật nhận thức rõ điều này nên họ đã lấy trí để điều hòa mối quan hệ, để hạnh phúc thực sự đến với người xứng đáng. Thơ haiku lại là một minh chứng rõ nét hơn cho tư tưởng “hòa” của văn hóa Nhật Bản. Mỗi bài thơ là sự hòa điệu giữa tâm trí nhà thơ với thế giới tự nhiên và nhân sinh mà nhà thơ phản ánh. Lời thơ ít nhưng lại rất tinh tế trong cảm nhận và sâu lắng trong tình cảm, dạt dào triết lí nhân sinh; hơn nữa, nó còn thức tỉnh tâm trí người đọc, đưa người đọc đến gần hơn với những điều kì diệu nhưng rất đổi bình dị của cuộc sống. Từ đây, độc giả thêm trân quý cuộc sống, làm đẹp cuộc đời và xã hội. Hãy chiêm nghiệm điều này qua những bài thơ haiku của ba thi sĩ lừng danh:

Nan no ki no  
Hana to wa shirazu  
Nioi kana  
(Matsuo Basho)

Từ hoa cây nào nhi,  
Đến tên còn chưa tường,  
Thoảng lại một làn hương.  
(Nguyễn Nam Trân dịch)

Basho chậm rãi nhắm nháp làn hương được mẹ thiên nhiên gửi đến cuộc đời. Làn hương ấy cũng có thể là hương Thiên, hương của tình người, hương của sự đốn ngộ. Trong những bước đường chông gai, khó khăn chông chát, ta đừng vội oán than cuộc đời, hãy dừng lại một chút để

nhìn ngắm thế giới xung quanh ta. Ta hãy học theo hạnh của hoa trong thơ Basho: bông hoa ấy cứ lặng lẽ, kiên trinh vượt qua bão táp, mưa sa, nắng hạn để rồi bung nở, đưa hương lên lối đến bên thi nhân - người biết thưởng thức và tạo dư vị cho cuộc sống. Bài thơ sau, Basho lại đưa người đọc đến với nắng ấm của Phật tâm:

Jôroku ni  
Kagerô takashi  
Ishi no ue  
(Matsuo Basho)

Từ bên trên bệ đá,  
Hơi nắng ấm bốc lên  
Thân ngài cao trượng sáu.  
(Nguyễn Nam Trân dịch)

Nhà thơ Basho đến thăm một ngôi đền ở xứ Iga và cũng tại đây ông được chiêm bái dung nhan của đức Phật. Dung nhan ấy được soi chiếu bởi sự giao hòa giữa bệ đá bị mưa đập gió vùi với nắng xuân chan chứa, hay nói cách khác chính sức sống của thiên nhiên đã khai mở tâm trí của thi nhân, của độc giả. Nếu ai đó biết sống tương thân tương ái, bao dung cho nhau thì sẽ theo hơi ấm của nắng xuân mà rong chơi bốn biển. Ngược lại, ta sẽ bị mỗi lợi hại làm điên đảo cuộc đời. Đi qua những ngày nắng đẹp là những ngày mưa, bất kể không gian và thời gian nào chim vùn tực vẫn ung dung tự tại cất tiếng hót và hoa vẫn nở làm rộn rã lòng ai:

Ariake ya  
Ame no naka yori  
Naku hibari  
(Kobayashi Issa)

Ban mai  
Chim vùn tực hát  
Giữa cơn mưa dài.  
(Nhật Chiêu dịch)

Suisen ya  
Samuki miyako no  
Koko - kashiko  
(Yosa Buson)

Thủy tiên ơi  
Trong kinh đô lạnh  
Đó đây rạng ngời  
(Nhật Chiêu dịch)

Khoảnh khắc ta nhìn ra Phật tính của thiên nhiên chính là khoảnh khắc cả tâm và trí của ta được khai sáng về thể tính của mình. Thể tính của hoa là nở, của chim là hót, vậy thể tính của con người là gì? Thể tính của con người phải chăng là sống giao hòa với vạn vật, uơm và gieo mầm thiện, cái đẹp đi khắp nhân gian.

Thứ hai, muốn có Hòa thì còn phải có một tinh thần bình đẳng. Bình đẳng luôn là khát vọng lớn của toàn nhân loại ở mọi thời đại, thi nhân haiku đã đưa giấc mơ ấy vào đời thực:

Cha no hana ni  
Kakurenbo suru  
Suzume kana  
(Kobayashi Issa)

Trên nương trà  
Một bầy se sẻ  
Trốn tìm trong hoa  
(Nhật Chiêu dịch)

Với thi nhân nói riêng, con người Nhật Bản nói chung coi vạn vật hữu linh nên họ luôn nhìn thiên nhiên như một con người, một người bạn, người thầy dạy ta cách ứng xử với đời, cách gắn kết và quý trọng thiên nhiên để có cuộc sống an yên, hạnh phúc. Nương trà, chim sẻ, hoa và thi nhân tạo lên một bức tranh tuyệt đẹp, hữu tình. Âm thanh hòa bình vang vọng khắp hư không, tạc vào nhân thế bài ca bình đẳng. Hàng năm, ở Nhật Bản có rất nhiều lễ hội. Chúng ta có thể kể

đến một số lễ hội sau: lễ hội Hoa anh đào vào mùa xuân; lễ hội Gion và Tenjin vào mùa hạ; lễ hội Hoa cúc, lễ hội Ngắm trăng, lễ hội Sao vào mùa thu; lễ hội Đêm Chichibu, Saitama, lễ hội Lửa Oniyo, Fukuoka vào mùa đông. Không khí những ngày lễ này vô cùng náo nhiệt với đông đảo người tham dự. Những người đến dự lễ xem hội luôn nêu cao tinh thần kỉ luật, trật tự xếp hàng, không chen lấn xô đẩy. Đó là cách ứng xử văn hóa rất truyền thống của người Nhật:

Hitonami ni  
Tatami no ue no  
Tsukimi kana  
(Kobayashi Issa)

Trên dãy chiếu  
Người người xếp hàng  
Ngắm trăng.

(Nguyễn Vũ Quỳnh Như dịch)

Tư tưởng “hòa” đã chi phối mọi nếp nghĩ, hành vi của người Nhật Bản. Con người tự chuyển hóa chính mình và góp phần cải tạo thế giới xoay xung quanh môi trường sống của mình. Hình ảnh trong bài thơ haiku trên đã phần nào cho chúng ta thấy cách con người giao hòa với thiên nhiên, con người giao hòa với con người. Nét văn hóa này vẫn được người Nhật lưu giữ và phát huy tới tận ngày nay. Trong cuộc sống, người Nhật luôn hòa nhã, lịch sự, đồng thuận thực hiện các quy ước xã hội trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau. Vậy nên cả thế giới đều ngả mũ thán phục khi chứng kiến lối hành xử của người dân Nhật Bản tại các địa điểm công cộng như ngã tư sang đường, trạm chờ xe bus, ga tàu điện ngầm, cửa hàng, v.v... họ đều nghiêm túc xếp hàng. Ngay cả trong khi sơ tán tránh thiên tai hay khi trận thiên tai qua đi, người dân phải đối mặt với đói rét thì họ vẫn tôn trọng bình đẳng - hòa để bình tâm xếp hàng. Một câu chuyện cảm động được đăng trên báo *Dân trí* vào ngày 17/3/2011 với tiêu đề: “Bài học cảm động từ một cậu bé 9

tuổi” đã làm thổn thức bao trái tim người đọc và kèm với đó là sự kính phục. Câu chuyện kể về một cậu bé là nạn nhân trong trận động đất, sóng thần lớn nhất Nhật Bản tính tới thời điểm năm 2011. Trời lạnh mà cậu bé chỉ mặc một chiếc áo thun, quần đùi lại đứng cuối hàng chờ nhận thức ăn. Một thành viên cứu trợ đã tới giúp em. “Nhìn thấy em nhỏ lạnh, tôi mới cởi cái áo khoác cảnh sát trùm lên người em nhỏ. Vô tình bao lương khô khẩu phần ăn tối của tôi bị rơi ra ngoài, tôi nhặt lên đưa cho em và nói: “Đợi tới phiên của con chắc hết thức ăn, khẩu phần của chú đó, chú ăn rồi, con ăn đi cho đỡ đói”. Cậu bé nhận túi lương khô của tôi, khom người cảm ơn. Tôi tưởng em sẽ ăn ngấu nghiến ngay lúc đó nhưng không phải, cậu bé ôm bao lương khô đi thẳng lên chỗ những người đang phát thực phẩm và để bao lương khô vào thùng thực phẩm đang phân phát rồi quay lại xếp hàng. Ngạc nhiên vô cùng, tôi hỏi tại sao con không ăn mà lại đem bỏ vào đó? Cậu bé trả lời: “Bởi vì còn có nhiều người chắc đói hơn con. Bỏ vào đó để các cô chú phát chung cho công bằng chú ạ”. Một dân tộc với những đứa trẻ biết tôn trọng sự bình đẳng, nhẫn nại, chịu gian khổ và chấp nhận hi sinh cho người khác như vậy chắc hẳn sẽ khiến cho nước Nhật rạng danh và tiến nhanh nhất có thể.

Cuối cùng, tư tưởng “hòa” của người Nhật còn thể hiện ở tình thương. Với họ tình thương càng rộng, càng sâu, thì hòa càng lâu dài và vững chắc. Bài thơ haiku sau như một minh chứng làm sáng rõ điều này:

Hitori ya ni  
Yujo mo netari  
Hagi to tsuki  
(Matsuo Basho)

Dưới một mái nhà  
Con hát cùng ngủ  
Hoa hagi và trăng  
(Nguyễn Nam Trân dịch)

Thơ haiku thường sử dụng ngôn ngữ giàu ảnh tượng. Điều này khiến cho hiệu ứng cảm xúc mở rộng biên độ, trí tưởng tượng của người đọc thêm phong phú. Hình ảnh hai cô gái hát rong gợi nỗi buồn man mác về cảnh lầm than của kiếp cầm ca. Những cánh hoa hagi hồng thắm của phương Bắc càng lung linh hơn dưới ánh trăng thu đã làm rung động cõi thơ Basho. Các du nữ ấy, cùng với hoa hagi và thi nhân đều được ánh trăng thu soi rọi một cách bình đẳng. Chính điều này, Basho đã làm cho thơ haiku bất tử. Mặc dù trong mười bảy âm tiết không có một âm tiết nào nói về thi nhân, nhưng độc giả vẫn thấy được bóng dáng tác giả qua niềm trắc ẩn và lòng thương cảm đối với số phận long đong của họ. Không đồng cảm, yêu thương những con người bé nhỏ thì làm sao Basho có thể đặt hai nàng du nữ bên cạnh bụi hoa hagi, vàng trăng và cả nhà thơ trong một khung hình. Khung hình ấy đã tạc vào lòng người về tình thương, lòng bác ái. Nhà thơ, du nữ và thiên nhiên hòa quyện vào nhau, cùng nhau vượt lên trên mọi khổ đau. Ánh thơ của Basho, Buson và Issa đang soi chiếu, thấu cảm với những kiếp người lầm than, đoạn trường:

Tama arare  
Yotaka wa tsuki ni  
Kaeru mesi  
(Kobayashi Issa)

Mưa tuyết không ai  
Gái đêm về ngủ  
Vội vàng trăng phai.  
(Nhật Chiêu dịch)

Tsurigane ni  
Tomarite nemuru  
Kocho kana  
(Yosa Buson)

Trên chuông chùa  
Một con bướm đậu  
Nghiêng mình ngủ mơ  
(Nhật Chiêu dịch)

Mặc bão tuyết mưa sa, nàng du nữ của Issa vẫn “lặn lội thân cò khi quãng vắng” tất bật, đi sớm về khuya để mưu sinh. Nếu bài thơ chỉ dừng lại ở gam màu xám xịt ấy thì sức sống của nó không thể tới ngày nay và mai sau. Thi nhân đã đem lại cái nhìn tích cực, niềm tin yêu vào cuộc sống cho mọi người, đặc biệt là những thân phận hẩm hiu, nhỏ bé, đơn côi bằng hình ảnh “vàng trăng phai”. Nhà thơ không nói rõ vàng trăng phai ấy là trăng của thiên nhiên hay trăng chính là gia đình, là người thân của du nữ ấy. Có lẽ là cả hai, cả hai đã soi chiếu, là nguồn sống của cô du nữ. Vì vậy, cho dù ngoài kia đầy rẫy sự khắc nghiệt thì du nữ vẫn rảo bước vượt qua chướng ngại để trở về nơi trú ngụ. Nơi ấy có thể là quán trọ, cũng có thể là túp lều tranh dựng tạm, nhưng chắc chắn ở nơi đó có hơi ấm của tình người, là người thân đang mong ngóng cô - vàng trăng phai. Dù cho cả thế gian này quay lưng với cô thì vàng trăng ấy vẫn kiên trì đợi cô trở về. Hiểu được “tính hạnh khoan hòa” của nàng du nữ nên cả nhà thơ và người đọc càng thêm thương cảm, trọng nể nàng. Cũng như vàng trăng của Issa, chuông chùa trong bài thơ của Buson như thấu hiểu nỗi nhọc nhằn của bướm bướm. Để trở thành một con bướm xinh đẹp, bản thân nó đã phải nỗ lực không ngừng nghỉ suốt năm hoặc sáu tháng trời: từ quả trứng mong manh đậu trên chiếc lá, nó phải kiên trì vượt qua mọi trở ngại để nở thành sâu (sâu róm); từ đây, nó cần phải nạp thật nhiều năng lượng để bắt đầu chuyến hành hương men theo ánh nắng đến nơi ấm áp nhất và đất nơi xốp. Xác định được nơi thích hợp, sâu róm bắt đầu đào và tự chôn mình trong đất, sâu sẽ nhả tơ kết thành một khối mà chúng ta gọi là kén, rồi nó cho cơ thể vào trong, thoát xác và hóa thành nhộng; trải qua nhiều tuần hoặc nhiều tháng cơ thể có nhiều biến đổi cuối cùng thành trùng; từ trùng thành bướm là một quá trình: để chui ra khỏi mặt đất và bay tung tắp trên ngọn cây, khóm hoa, nó chắc chắn đã phải lao động miệt mài trong khoảng một thời gian dài đào đường hầm. Nhưng khi ra đến ngoài

trời, nó cũng phải đợi vài tiếng sau đôi cánh mới mở ra và nhẹ nhàng đập cánh, đợi đến khi có thể bay lên, công cuộc kiếm tìm mật, mang cái đẹp đi muôn nơi bắt đầu. Trên con đường đi uơm mầm cái đẹp ấy, nó đã nhận được sự đồng cảm, điểm tựa, tình thương yêu của chúng sinh. Chuông không nở ngân lên bởi sợ phá vỡ sự nghỉ ngơi của bạn sau một chặng đường dài vất vả. Cả thế giới vô thanh, vô niệm đang mơ lẫn nhau. Bức tranh sống động này bất giác khiến ta nghĩ tới “mộng hóa bướm” của Trang tử - nhà triết học cổ đại Trung Hoa.

## 6. Kết luận

Hơn bốn trăm năm đã trôi qua nhưng những bài thơ haiku của Matsuo Basho, Yosa Buson và Kobayashi Issa vẫn bừng lên ánh sáng đại ngộ. Ánh sáng của Thiền Tông, Thần đạo thấm nhuần trong ngòi bút của thi nhân đã soi tỏ văn hóa Nhật Bản thời đại Edo. Ở đó chúng ta bắt gặp lối sống giao hòa với thiên nhiên và sống trọn mọi khoảnh khắc hiện tại của người Nhật Bản. Đồng

thời, ta cũng nghiêng mình nể phục lối sống đề cao tinh thần tự cường, nhân tâm hòa và sự nhạy cảm, tinh tế trong tâm hồn người Nhật. Thơ haiku nói chung, thơ haiku của Matsuo Basho, Yosa Buson và Kobayashi Issa nói riêng đã đưa người yêu thơ đến gần hơn với những triết lý nhân sinh, bản sắc văn hóa của một quốc gia có nền văn minh đỉnh cao của Đông Á.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Ân, T.T. (2018). *Lịch sử tư tưởng Nhật Bản*. Hà Nội: NXB Hồng Đức.
- [2] Chiêu, N. (2003). *Nhật Bản trong chiếc gương soi*. HCM: NXB Giáo Dục.
- [3] Chiêu, N. (2013). *Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
- [4] Chiêu, N. (2015). *Ba nghìn thế giới thơ*. Hà Nội: NXB Văn Học.
- [5] Paul, R. - Nyogen. S. (2020). *Cốt nhục của Thiền*. Hà Nội: NXB Thanh Niên.
- [6] Trân, N.N. (2011). *Tổng quan lịch sử văn học Nhật Bản*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- [7] Trân, N.N (Biên dịch và bình chú). (2018). *Matsuo Basho bậc đại sư thơ haiku*. Hà Nội: NXB Hồng Đức.